|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN** **TỈNH PHÚ THỌ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2023/QĐ-UBND | *Phú Thọ, ngày tháng năm 2023* |

**DỰ THẢO**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phân cấp thẩm quyền đăng ký và quản lý phương tiện**

**phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ Quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước;*

*Căn cứ Thông tư số 07/2020/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định về nội dung tập huấn cho người lái phương tiện và nội dung hướng dẫn kỹ năng an toàn cho người tham gia hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước;*

*Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số /TTr-SGTVT* *ngày / /2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** **Phạm vi điều chỉnh**

1. Quyết định này quy định các nội dung liên quan đến việc phân cấp thẩm quyền đăng ký và quản lý phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước và quản lý phương tiện được miễn đăng ký phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

2. Quyết định này không áp dụng đối với hoạt động lễ hội truyền thống và hoạt động lặn.

**Điều 2.** **Đối tượng áp dụng**

1. Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân và phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước trên địa bàn tỉnh.

2. Phương tiện thủy nội địa khi tham gia hoạt động phục vụ vui chơi giải trí dưới nước trên địa bàn tỉnh ngoài việc tuân thủ theo các quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa còn phải tuân theo các quy định tại Quyết định này.

**Điều 3. Phân cấp thẩm quyền đăng ký và quản lý phương tiện phục vụ vui chơi giải trí dưới nước thuộc diện phải đăng ký**

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện đăng ký, tổ chức quản lý:

- Phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước không có động cơ có trọng tải toàn phần trên 15 tấn.

- Phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước có động cơ, tổng công suất máy chính từ 5 sức ngựa trở lên.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện đăng ký, tổ chức quản lý:

- Phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước không có động cơ có trọng tải toàn phần từ 1 tấn đến 15 tấn; phương tiện có động cơ máy chính dưới 5 sức ngựa.

**Điều 4.** **Quy định quản lý phương tiện phục vụ vui chơi giải trí dưới nước thuộc diện được miễn đăng ký**

Phương tiện phục vụ vui chơi giải trí dưới nước được miễn đăng ký là phương tiện dùng để vui chơi, giải trí dưới nước không có động cơ, di chuyển bằng sức người hoặc sức gió, sức nước có trọng tải toàn phần dưới 1 tấn, có sức chở dưới 5 người.

Uỷ ban nhân dân cấp xã tổ chức quản lý phương tiện phục vụ vui chơi giải trí dưới nước được miễn đăng ký đảm bảo điều kiện an toàn theo quy định tại mục 4 khoản 7 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa.

**Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Giao thông vận tải

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu thực hiện việc chấp thuận, thỏa thuận, công bố mở, đóng vùng hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước được phép hoạt động theo thẩm quyền quy định tại Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ Quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; các văn bản pháp luật khác có liên quan đến hoạt động phục vụ vui chơi giải trí dưới nước và phù hợp với các quy hoạch của địa phương.

b) Phối hợp với chính quyền địa phương và cơ quan có liên quan đến hoạt động vui chơi giải trí dưới nước trên địa bàn trong việc trao đổi, cung cấp thông tin; kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ đăng ký phương tiện và quản lý hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước theo quy định.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng, ban hành nội dung, chương trình, tổ chức tập huấn cho người lái phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước theo quy định tại Điều 3 của Thông tư số 07/2020/TT-BVHTTDL ngày 15/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về nội dung tập huấn cho người lái phương tiện và nội dung hướng dẫn kỹ năng an toàn cho người tham gia hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước.

b) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm trong hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước.

3. Sở Tài chính

Hướng dẫn việc thu phí, lệ phí đối với hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước theo đúng quy định pháp luật.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Tổ chức thực hiện việc đăng ký, quản lý phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước theo quy định được phân cấp tại Điều 3 Quyết định này và quy định tại các Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23 Chương IV, Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019.

b) Thực hiện chế độ báo cáo: Báo cáo Sở Giao thông vận tải (báo cáo tháng, định kỳ trước ngày 25 hàng tháng và báo cáo năm trước ngày 25/12 hằng năm) về kết quả thực hiện công tác đăng ký phương tiện và tổng hợp phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước được miễn đăng ký trên địa bàn quản lý theo quy định.

c) Thực hiện chức năng tổ chức quản lý; kiểm tra, xử lý vi phạm theo thẩm quyền trên phạm vi địa bàn quản lý đối với các hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước theo quy định.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tổ chức thực hiện việc đăng ký, quản lý phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước theo quy định được phân cấp tại Điều 3, Điều 4 Quyết định này và quy định tại các Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23 Chương IV, Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019.

b) Thực hiện chế độ báo cáo: Báo cáo UBND cấp huyện (báo cáo tháng, định kỳ trước ngày 20 hàng tháng và báo cáo năm trước ngày 20/12 hằng năm) về kết quả thực hiện công tác đăng ký phương tiện và thống kê quản lý phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước được miễn đăng ký trên địa bàn quản lý theo quy định.

c) Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở các tổ chức, cá nhân có phương tiện phục vụ hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước được miễn đăng ký chấp hành các quy định về vùng hoạt động, điều kiện hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh và pháp luật liên quan.

d) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về điều kiện hoạt động đối với phương tiện được miễn đăng ký, người lái phương tiện khi tham gia hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước; kịp thời xử lý các sự cố, hành vi vi phạm pháp luật về an toàn giao thông đường thủy nội địa theo thẩm quyền.

6. Tổ chức, cá nhân khai thác, cung cấp dịch vụ vui chơi, giải trí dưới nước

a) Tuân thủ và thực hiện đúng các quy định tại Chương II, Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019; bảo đảm an ninh, an toàn, cứu hộ, cứu nạn, ngăn ngừa ô nhiễm môi trường và các quy định pháp luật có liên quan.

b) Tổ chức, cá nhân khai thác và cung cấp dịch vụ vui chơi, giải trí dưới nước có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, hướng dẫn và quản lý người lái phương tiện, nhân viên phục vụ; hướng dẫn kỹ năng an toàn cho người tham gia hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 07/2020/TT-BVHTTDL ngày 15/10/2020.

7. Người tham gia hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước

Trách nhiệm người tham gia hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước (người chơi, du khách) theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019.

**Điều 6. Điều khoản thi hành**

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày …./…/2023. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan thi hành quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Văn phòng Chính phủ; - Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp); - Bộ Giao thông vận tải; - TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh; - Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Phú Thọ; - CT các PCT UBND tỉnh; - Sở Tư pháp; - Như Điều 3; - Website Chính phủ; - Đài PTTH, Báo Phú Thọ; - Trung tâm Công báo tỉnh; - Website VPUBND tỉnh; - Lưu: VT, GT. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN CHỦ TỊCH     Bùi Văn Quang** |

**Phụ lục**

*(Ban hành kèm theo Quyết định phân cấp thẩm quyền đăng ký và quản lý phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước trên địa bàn tỉnh Phú Thọ)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CƠ QUAN CHỦ QUẢN  CƠ QUAN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN -------** | | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** | |
| Số: ……../……. |  | |

Kính gửi: (1) ……………………………..

**BÁO CÁO**

**Tổng hợp đăng ký phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước**

*(tính đến hết tháng.../năm ...)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Chiếc** | **Tấn** | **Khách** | **Sức ngựa** | **Ghi chú** |
| ***Tổng số phương tiện đăng ký trong kỳ*** | |  |  |  |  |  |
|  | **Trong đó:** |  |  |  |  |  |
| **I** | **Phương tiện loại 1** |  |  |  |  |  |
| *1* | *Phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn* |  |  |  |  |  |
| *2* | *Phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 5 sức ngựa trở lên* |  |  |  |  |  |
| *3* | *Phương tiện có sức chở trên 12 người* |  |  |  |  |  |
|  | - Có động cơ |  |  |  |  |  |
|  | - Không có động cơ |  |  |  |  |  |
| **II** | **Phương tiện loại 2** |  |  |  |  |  |
| *1* | *Phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính dưới 5 sức ngựa* |  |  |  |  |  |
| *2* | *Phương tiện có sức chở từ 5 đến 12 người* |  |  |  |  |  |
|  | - Có động cơ |  |  |  |  |  |
|  | - Không có động cơ |  |  |  |  |  |
| **III** | **Phương tiện loại 3** |  |  |  |  |  |
| *1* | *Phương tiện có sức chở dưới 5 người* |  |  |  |  |  |
| **IV** | **Phương tiện loại 4** |  |  |  |  |  |
| *1* | *Phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 1 tấn hoặc bè* |  |  |  |  |  |

(1): - Sở Giao thông vận tải nếu là UBND các huyện, thành, thị báo cáo

- UBND các huyện, thành, thị nếu là UBND cấp huyện, thị trấn, xã báo cáo.

\* Thời gian chốt số liệu báo cáo tháng: Tính từ ngày 15 tháng trước đến ngày 14 của tháng thuộc kỳ báo cáo

|  |  |
| --- | --- |
| **NGƯỜI LẬP** | **CƠ QUAN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN** *(Ký tên, đóng dấu)* |